TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 113/2021/DS-PT
Ngày 16/3/2021
Về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự, ông Nguyễn Tấn Trường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 60/TBTL-TA ngày 18/11/2020 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 731/QĐ-PT ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: 07 đường L, phường H1, quận H2, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Võ Đình Đ - Công ty Luật TBHH VĐ L1, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh Q, sinh năm 1978; địa chỉ: 56 đường P, phường H1, quận H2, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái Quang M, sinh năm 1956 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: Căn hộ số 302 nhà 12T5 khu 12 Tầng N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, đều có mặt.

3.2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1956; địa chỉ: Agarden 6,2th 2635 ishoj Danmark, vắng mặt.

3.3. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1953; địa chỉ: 07 đường L, phường H1. quận H2, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.4. Bà Đặng Thị Chí H3, sinh năm 1982; địa chỉ: 07 đường L, phường H1, quận H2, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.5. Bà Đặng Thị H4, sinh năm 1985; địa chỉ: 21 đường Đào Duy Kỳ, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.6. Bà Đặng Thị Cẩm V, sinh năm 1988; địa chỉ: số 09/2 đường B, phường H5, quận C1, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3.7. Bà Đặng Thị Cẩm Nh, sinh năm 1990; địa chỉ: số 123 đường L2, phường H6, quận C1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C, ông Đặng Văn D, bà Đặng Thị Chí H3, bà Đặng Thị H4, bà Đặng Thị Cẩm V, bà Đặng Thị Cẩm Nh theo các văn bản ủy quyền các ngày 20, 21, 22, 26, 27 tháng 8 năm 2019 là ông Đặng Thanh H (đồng thời là nguyên đơn trong vụ án), có mặt.

3.8. Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

3.9. Phòng Công chứng số Y thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 31 đường N2, phường M, quận N2, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là bà Đặng Thị Thanh, có mặt.

3.10. Bà Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh năm 1979; địa chỉ: 104 đường N3, phường H1, quận H2, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

4. Kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn (ông Đặng Thanh H) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Đặng Thanh H trình bày:

Vợ chồng cụ Lê Văn T1, cụ Đỗ Thị Tr có 03 người con là ông Lê Văn C, bà Lê Thị Đ (chết năm 2003, có chồng là ông Đặng Văn D và 05 người con gồm chị Đặng Thị Chí H3, anh Đặng Thanh H, chị Đặng Thị H4, chị Đặng Thị Cẩm V, chị Đặng Thị Cẩm Nh) và bà Lê Thị X chết năm 1986, không có chồng con. Cụ T1 và cụ Tr tạo lập được nhà đất tại địa chỉ 24 đường A1, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thể hiện bằng việc hai cụ có *Giấy bán đoãn mãi vườn và nhà* được phường A chứng nhận ngày 05/7/1971. Đất hai cụ tạo lập được theo Bản đồ địa chính năm 1997 gồm các thửa 135, 136, 137, 138, 139, 140 tờ bản đồ số 10, tổ 37; theo bản đồ mới nhất năm 2017 thì gồm các thửa số 1, 8, 11, 12 tờ bản đồ số 18, tổ 19, địa chỉ phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Năm 1989, do vợ chồng ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th khó khăn nên vợ chồng cụ T1, cụ Tr cho vợ chồng ông M, bà Th một diện tích trong vườn để làm nhà tạm ở nhờ. Cụ T1 chết năm 1990, cụ Đỗ Thị Tr chết năm 1993. Sau khi cha mẹ chết thì bà Lê Thị Đ quản lý, sinh sống trên nhà đất của cha mẹ, còn chồng và con của bà Đ thì sống ở phường Hòa Cường nhưng hàng tháng vẫn về thắp hương cho tổ tiên. Năm 2006, vợ chồng ông M, bà Th tự ý xin và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2015 chuyển nhượng cho ông Trần Minh Q.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: *(i).* Công nhận 72m^2 đất, thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 18, tổ 37 (nay là tổ 19) thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế của vợ chồng cụ T1, cụ Tr; *(ii).* Hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AE 210085 mà Ủy ban nhân dân quận S cấp cho ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th ngày 31/5/2006; *(iii).* Hủy *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất* ngày 25/8/2015 lập tại Phòng Công chứng số Y thành phố Đà Nẵng giữa vợ chồng ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th với ông Trần Minh Q; *(iv).* Hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở*

và tài sản gắn liền trên đất số CA 462995 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Trần Minh Q ngày 15/9/2015.

- *Bị đơn là ông Trần Minh Q trình bày:* Năm 2015, vợ chồng Ông mua nhà đất tại tổ 19, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng của vợ chồng ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th là ngay tình, hợp pháp vì khi bán ông M, bà Th có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua nhà đất Ông Bà đã sửa chữa lại nhà, nhà của Ông Bà sát vách nhà do cụ T1, cụ Tr xây dựng và các con cháu của hai Cụ ở nhưng không có ai tranh chấp. Do đó, Ông Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th trình bày:* Vợ chồng cụ T1, cụ Tr chuyển nhượng cho Ông Bà 77m^2 đất và Ông Bà đã làm nhà sử dụng, chứ không phải như trình bày của nguyên đơn cho rằng cụ T1, cụ Tr cho ở nhờ. Sau khi lập Giấy tờ chuyển nhượng đất Ông Bà đã nộp tại UBND phường làm thủ tục, xin phép làm nhà và được UBND phường A xác nhận đất có nguồn gốc mua của cụ T1, cụ Tr nhưng do mưa lũ nên giấy tờ bị thất lạc. Ông Bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do nguyên đơn (ông H) đại diện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND quận S trình bày:* Ông Thái Quang M và bà Trần Thị Th có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND phường A xác nhận ngày 16/02/2006, đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 1989, không tranh chấp, không nằm trong quy hoạch, do đó, UBND quận S cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AE 210085 ngày 31/5/2006 cho ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th là đúng quy định của pháp luật. Ngày 25/8/2015 tại Phòng công chứng số Y vợ chồng ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th ký Hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông Trần Minh Q. Các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận S chỉnh lý biến động sang tên ông Q là đúng quy định tại Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013. Ngày 15/9/2015, ông Trần Minh Q được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp đổi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất* số CA 462995 là đúng pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng công chứng số Y thành phố Đà Nẵng* đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án cũng như không gửi ý kiến trình bày.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Huyền Tr1 (vợ ông Trần Minh Q)* thống nhất trình bày và đề nghị của ông Q.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 34, 147, 165, 166, 227, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Giải đáp nghiệp vụ số 64/TANDTC-PC ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh H đối với yêu cầu trả đất, công nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Trần Minh Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thanh H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 001854 ngày 26/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng nên ông Đặng Thanh H được hoàn lại 4.700.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 16.000.000 đồng ông Đặng Thanh H phải chịu, ông H đã nộp và đã chi xong.

- Ngày 03/8/2020, ông Đặng Thanh H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông H buộc bị đơn trả đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn (ông Đặng Thanh H) giữ nguyên kháng cáo.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H.
- Bị đơn (ông Trần Minh Q) đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Tư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có cơ sở, đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ nhất ngày 22/12/2020 do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Phương Thảo, hiện nay ông H không còn ủy quyền cho bà Thảo nữa) vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai ngày 19/01/2021 ông Đặng Thanh H với tư cách là đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Xét, phiên tòa phúc thẩm hôm nay mở lần thứ ba, Luật sư Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H vắng mặt có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, ông H có mặt nhưng đề nghị hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị tiến hành xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày và thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định lúc sinh thời vợ chồng cụ T1, cụ Tr (là Ông Bà ngoại của ông H - nguyên đơn) tạo lập được nhà đất tại địa chỉ 24 đường A1,

phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thể hiện bằng việc hai cụ có *Giấy bán đoãn mãi vườn và nhà* được phường A chứng nhận ngày 05/7/1971. Đất cụ T1, cụ Tr tạo lập theo Bản đồ địa chính năm 1997 gồm các thửa 135, 136, 137, 138, 139, 140 tờ bản đồ số 10, tổ 37 phường A, quận S, còn theo Bản đồ địa chính năm 2017 gồm các thửa 01, 08, 11, 12 tờ bản đồ số 18, tổ 19, phường A, quận S.

[3] Nay ông H (nguyên đơn) khởi kiện cho rằng năm 1989 thấy vợ chồng ông Thái Quang M, bà Trần Thị Th không có chỗ ở nên cụ T1, cụ Tr cho mượn một phần đất vườn của hai cụ để làm nhà tạm ở nhờ nhưng năm 2006 ông M, bà Th tự ý xin và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2015 ông M, bà Th chuyển nhượng cho ông Trần Minh Q nên nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án: buộc ông Q trả 72m^2 đất, thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 18, tổ 37, phường A; hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông M, bà Th với ông Q và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông M, bà Th và ông Q. Trong khi đó, ông M, bà Th trình bày Ông Bà mua đất của vợ chồng cụ T1, cụ Tr có viết giấy tay, Ông Bà đưa Giấy tới Phường để làm thủ tục giao đất, xác nhận cho phép Ông Bà làm nhà và UBND phường A đã xác nhận đất của Ông Bà nguồn gốc mua lại của cụ T1, cụ Tr và đồng ý cho Ông Bà làm nhà nhưng do mưa lũ nên Ông Bà đã bị thất lạc Giấy tờ. Ông Bà đã làm nhà ở sát cạnh cụ T1, cụ Tr từ năm 1989 nhưng các con của cụ T1, cụ Tr không ai có ý kiến phản đối. Cụ T1 và cụ Tr minh mẫn, khỏa mạnh, cụ T1 chết năm 1990, cụ Tr chết năm 1993 đến khi chết đều không phản đối. Ông Bà kê khai và đã được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyến sử dụng đất và đã chuyển nhượng hợp pháp cho ông Trần Minh Q nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H (cháu ngoại cụ T1, cụ Tr).

[4] Tại *Đơn trình bày* ngày 20/01/2006 của ông Thái Quang M gửi UBND phường A, ông M xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích thực tế đang quản lý, sử dụng 89,7m^2 có nhà của Ông Bà xây dựng năm 1989 có nguồn gốc là đất nhận chuyển nhượng của cụ Lê Văn T1 năm 1989, UBND phường A xác nhận vào *Đơn trình bày* nội dung trình bày của ông M là đúng (bút lục 39). Tại *Đơn xin sử dụng đất làm nhà* ngày 15/02/1989 của bà Trần Thị Th gửi UBND phường A, UBND thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), bà Th trình bày do hoàn cảnh gia đình đông con hiện đang ở cùng mẹ ruột nên bà Th xin phép được làm nhà trên *"Đất vườn của ông Lê Văn T1"*, UBND phường A sau khi xem xét, kiểm tra thực tế đã có ý kiến đồng ý với đề nghị của bà Th, kính chuyển Ban Xây dựng công trình đô thị và UBND thành phố Đà Nẵng quan tâm, giúp đỡ (bl 38).

[5]. Tại *Biên bản xác minh* do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành vào các ngày 07/02/2020, 13/7/2020 những người hàng xóm sống xung quanh đất hiện có tranh chấp cho biết ông M, bà Th đã làm nhà ở ổn định trên đất từ năm 1989 không có tranh chấp, đến năm 2018 ông H là cháu ngoại của cụ T1, cụ Tr mới tranh chấp; cụ T1 chết năm 1990, cụ Tr chết năm 1993, trước khi chết cụ T1, cụ Tr sống liền kề với nhà đất của ông M, bà Th, trước khi chết cụ Tr chỉ ốm nằm tại chỗ khoảng 2 tháng còn trước đó cụ Tr đi lại bình thường. Những sự việc này chứng tỏ khi còn sống cụ T1, cụ Tr và các con cháu biết ông M, bà Th xây dựng nhà trên đất vườn của cụ T1, cụ Tr nhưng không ai phản đối, vợ chồng ông M bà Th cũng được chính quyền địa phương xác nhận.

[6] Căn cứ tài liệu, chứng cứ được dẫn chứng và phân tích tại các mục [3], [4], [5] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mặc dù ông M, bà Th không xuất trình được giấy tờ nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng cụ T1, cụ Tr (ông M, bà Th trình bày do mưa lũ làm thất lạc) nhưng xét ông M, bà Th đã làm nhà ở sát cạnh nhà cụ T1, cụ Tr từ năm 1989, năm 1990 cụ T1 chết, năm 1993 cụ T1 chết không phản đối. Mặt khác, ông M, bà Th đã sử dụng đất và xây dựng nhà ở từ năm 1989 không có tranh chấp, được chính quyền địa phương lập các thủ tục niêm yết từ năm 2006 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nhưng không có ai có ý kiến. Trong khi, khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: "*Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*", Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 quy định: *"2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà toàn bộ thửa đất hoặc, một phần thửa đất không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất không có giấy tờ khi có đủ các điều kiện sau: a) Đất không có trạnh chấp; b) Đất đã được sử dụng trước thời điểm quy hoạch, kê khai sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được xét duyệt; trường hợp đất được sử dụng sau thời điểm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được xét duyệt thì phải phù hợp với quy hoạch hoặc kế hoạch đó. Thời điểm sử dụng đất do Uỷ ban nhân xã, phường, thị trấn xác nhận".* Từ thực tế sử dụng đất và quy định nêu trên của pháp luật, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh H là có cơ sở, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 34, 147, 165, 166, 227, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Giải đáp nghiệp vụ số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh H đối với yêu cầu trả đất, công nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Trần Minh Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thanh H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 001854 ngày 26/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng nên ông Đặng Thanh H được hoàn lại 4.700.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 16.000.000 đồng ông Đặng Thanh H phải chịu, ông H đã nộp và đã chi xong.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Thanh H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0002627 ngày 13/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thì ông H đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân